TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2020
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Quyết- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị X**, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: Thôn ĐG, xã TĐ, thành phố HD, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú hiện nay: Thôn LH, xã LH, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1982.

Nơi ĐKHKTT: Thôn ĐG, xã TĐ, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1948. Nơi ĐKHKTT: Thôn ĐG, xã TĐ, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Chị X, anh K và bà Ch đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, chị X trình bày:* Chị và anh K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2004 tại UBND xã Th Đ, huyện N S, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Th Đ, thành phố H D).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013, anh K nợ nần nhiều nên vợ chồng cùng đi lao động tại Đài Loan để làm kinh tế. Năm 2016 chị X về nước và về ngoại sinh sống, anh K vẫn lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng không liên lạc, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị X xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/10/2004 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 13/01/2010, hiện hai con đang ở cùng bà nội. Nếu ly hôn, chị X đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con vì chị có hỏi quan điểm của hai con, các con xác định sống cùng bà nội từ năm 2013 nên không muốn về ngoại sống cùng mẹ, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con nếu anh K yêu cầu.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị X tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị X không cung cấp được địa chỉ của anh K tại Đài Loan vì vợ chồng không liên lạc từ lâu.

Tòa án đã về gia đình gặp bà Nguyễn Thị Ch (là mẹ đẻ của anh K) và yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của anh K tại Đài Loan nhưng bà không cung cấp được địa chỉ của anh K. Bà Ch xác định anh K thường xuyên liên lạc về gia đình, năm 2004 anh K và chị Huyền kết hôn, anh chị sống cùng vợ chồng bà đến năm 2013 chị X đi Đài Loan, sau đó mấy tháng anh K đi, thời điểm ở bên Đài Loan bà cũng nghe nói vợ chồng có mâu thuẫn. Năm 2016 chị X về Việt Nam, thời gian đầu chị X đi lại giữa bên ngoại và bên nội, sau đó chị X ở luôn bên ngoại, ít về thăm hai con. Anh K vẫn thường xuyên liên lạc về để hỏi thăm tình hình hai con, bà Ch đã thông báo cho anh K biết việc chị X có đơn xin ly hôn, anh K đồng ý. Về con chung: Anh K đề nghị Tòa án giao hai con cho anh K nuôi dưỡng vì các con đang ở ổn định với bà nội và tự nguyện không yêu cầu chị X cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị X không đề nghị giải quyết, gia đình bà không có ý kiến gì.

Tại công văn số 7918/QLXNC-P5 ngày 01/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác định anh Nguyễn Văn K, CMND: 142339938, khai địa chỉ thường trú tại: TĐ, TPHD, tỉnh Hải Dương xuất cảnh lần cuối ngày 19/6/2014 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật tuy nhiên việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 476 BLTTDS;

đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử nên không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại Công văn của Cục xuất nhập cảnh xác định anh K hiện đã xuất cảnh qua cửa khẩu Quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị X không cung cấp được địa chỉ của anh K tại Đài Loan, Tòa án yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh K nhưng gia đình không cung cấp được. Tuy nhiên, gia đình xác định anh K thường xuyên liên lạc về gia đình và đã thông báo cho anh K biết việc chị X có đơn xin ly hôn nhưng anh K không gửi văn bản ghi ý kiến về cho Tòa án. Ngoài ra, Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nên áp dụng công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị X có quan điểm xin được xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị X.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn cho đến khi hết thời hạn xét xử theo Điều 476 BLTTDS. Đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên không thực hiện theo quy định tại Điều 476 BLTTDS và không thuộc trường hợp tạm ngừng phiên tòa. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành làm việc với gia đình anh K là bà Nguyễn Thị Ch (mẹ đẻ của anh K) và đã yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của anh K tại nước ngoài tuy nhiên bà không cung cấp được, do vậy Tòa án đã tống đạt những văn bản tố tụng cho anh K thông qua bà Ch, bà đã thông báo nội dung văn bản cho anh K là phù hợp với quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2004 tại UBND xã Th Đ, huyện N S, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Th Đ, thành phố HD) do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi cưới, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận cho đến năm 2013 thì cả hai đều đi lao động tại Đài Loan. Trong thời gian lao động ở

nước ngoài, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị X về nước năm 2016, còn anh K vẫn ở lại Đài Loan cho đến nay, mỗi người sống một nơi nên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị X làm đơn xin ly hôn, quan điểm của anh K thông qua gia đình cũng nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị X và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, xử cho chị X được ly hôn anh K là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị X và anh K có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/10/2004 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 13/01/2010, hiện hai con đang ở cùng bà nội. Hiện tại chị X đang ở Việt Nam nhưng không trực tiếp chăm sóc và thăm nom các con, cháu C và cháu Tr có nguyện vọng xin được ở với bố và bà nội chị X nhất trí và có trách nhiệm cấp dưỡng nếu anh K yêu cầu. Thông qua bà Ch cho biết quan điểm của anh K xin được nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị X cấp dưỡng tiền nuôi con chung, do anh đang ở Đài Loan nên nhờ bà Ch chăm sóc trong thời gian anh lao động ở nước ngoài, bà Ch nhất trí chăm sóc thay cho anh K. Hiện tại các cháu đang ở với gia đình anh K đảm bảo về mọi mặt, phát triển bình thường, anh K vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bà Ch nuôi dưỡng, cuộc sống ổn định. Do vậy, cần giao cho anh K tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/10/2004 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 13/01/2010 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị X cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm giao hai cháu Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn Tr cho bà Nguyễn Thị Ch (là mẹ đẻ anh K) nuôi dưỡng cho đến khi anh K về nước trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị X là nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/10/2004 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 13/01/2010 cho anh Nguyễn Văn K chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con tròn 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị X cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung. Tạm giao cháu C và Cháu Tr cho bà Nguyễn Thị Ch (là mẹ đẻ anh K) chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi anh Nguyễn Văn K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con.

Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002653 ngày 12/5/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị X đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, bà Ch có quyền kháng cáo phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh K đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Th Đ, tp Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mạc Minh Quang